UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 603 /QĐ-TTPTQĐ

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 61 (sáu mươi mốt) cơ sở nhà, đất cho thuê ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 4 - tháng 9/2026)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê ngắn hạn do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;

Căn cứ Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc uỷ quyền phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Thực hiện Thông báo số 766/TB-VP ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng về kết luận cuộc họp giao ban ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố; Công văn số 9361/VP-ĐTĐT ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố về việc triển khai Thông báo số 126-TB/ĐU ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy UBND thành phố;

Thực hiện Kế hoạch số 62/KH-TTPTQĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất về "Chiến dịch 90 ngày đêm tổ chức khai thác ngắn hạn hiệu quả quỹ nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất đang quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đấu giá và Giá đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê ngắn hạn đối với 61 (sáu mươi mốt) cơ sở nhà, đất cho thuê ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Đợt 4 - tháng 9/2026) tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ danh mục và đơn giá khởi điểm tại Điều 1 nêu trên, Phòng Đấu giá và Giá đất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê đất ngắn hạn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Trung tâm; Trưởng các phòng: Phòng Đấu giá và Giá đất; Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất; Phòng Bồi thường, Giải phóng mặt bằng và Đo đạc; Giám đốc các Chi nhánh khu vực trực thuộc Trung tâm và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT;
- Lưu VT, ĐG&GĐ.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Võ Nguyên Chương

oanhcdkyd01/03/2024 10:34:55 - baydlc@gmail.com

PHỤ LỤC

Danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 61 (sáu mươi mốt) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 603 /QĐ-TTPTQĐ ngày 30 / 9 /2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố)

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
I	**Xã Tây Hồ**					
1	Trạm y tế cũ, Thôn Đại Quý, xã Tây Hồ	Cơ sở y tế	1.867	0	60 tháng	2.070
2	Trụ sở Đội thuế Tam An, Thôn An Hòa, xã Tây Hồ	Thương mại, dịch vụ	100	49,4	60 tháng	18.444
3	Trường tiểu học nguyễn Huệ cơ sở 2, Thôn Tú Hội, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	4.379	664,1	60 tháng	13.971
4	Trường TH cũ thôn 1 Tam Lộc, Thôn Đại Quý, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	7.270	0	60 tháng	753
5	Trường Mẫu giáo Tây Hồ cơ sở 8, Thôn Tam An, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	237	94	60 tháng	35.460
6	Trường THCS Tam Lộc cũ, Thôn Đại Quý, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	6.677	0	60 tháng	9.895

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
7	Nhà trẻ Trường Thành, Thôn Trường Lộc, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	461	50	60 tháng	9.895
8	Trường Mẫu giáo thôn Cẩm Long, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	440	45	60 tháng	10.269
9	Nhà trẻ thôn Tú Hội, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	551	48	60 tháng	8.111
10	Trường Mẫu giáo thôn 1 Tam Lộc, Thôn Đại Quý, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	673	72	60 tháng	9.772
11	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ cơ sở thôn Lộc Ninh, Thôn Tú Hội, xã Tây Hồ	Cơ sở giáo dục	819	60	60 tháng	7.989
12	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Thương mại dịch vụ	1.966,3	50	60 tháng	3.935
13	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ (Cơ sở thôn Lộc Ninh)	Cơ sở giáo dục	3.000	308,82	60 tháng	9.434
II	**Xã Quế Sơn**					
1	Trụ sở cũ Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	758	150	60 tháng	20.912

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
2	Trường mẫu giáo Thắng Tây	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	684,5	45	60 tháng	30.080
3	Hội Chữ thập đỏ huyện Quế Sơn; địa chỉ: xã Quế Sơn	Thương mại dịch vụ	577,8	344	60 tháng	97.818
4	Hội Người mù huyện Quế Sơn; địa chỉ: xã Quế Sơn	Thương mại dịch vụ	464	300	60 tháng	125.473
5	Trường Mầm non bán công Đông Phú (Dốc Đỏ) - TDP Lãnh Thượng 1	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	405	0	60 tháng	4.433
6	Trường mẫu giáo thôn Châu Sơn 3 cũ	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	400	35	60 tháng	8.909
7	Điểm Trường MG Đông Phú điểm Tam Hòa	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	382,5	74	60 tháng	4.784
8	Trường Mẫu giáo Thôn Lạc Sơn	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	350	70	60 tháng	3.802
9	Trường mẫu giáo cũ thôn Thắng Đông 2	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	300	60	60 tháng	13.752
10	Trường tiểu học Quế Long (điểm Lộc Thượng)	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3.950	428	60 tháng	10.063
11	Trường mẫu giáo thôn Châu Sơn	Cơ sở đào tạo giáo dục	391,0	110	60 tháng	85.703

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
III	**Xã Xuân Phú**					
1	Thôn Yên Lư, xã Xuân Phú (trung tâm dịch vụ việc làm cũ)	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3.000	929,3	60 tháng	44.715
2	Trường Mẫu giáo Thôn Hòa Mỹ Tây, Thôn Hòa Mỹ	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	554	75	60 tháng	3.436
3	Trường Tiểu học Hòa Mỹ Đông, Thôn Hòa Mỹ	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	700	96	60 tháng	3.578
IV	**Xã Quế Sơn Trung**					
1	Trụ sở UBND xã Quế Cường (cũ), Thôn Thạch Khê, xã Quế Sơn Trung	Cơ sở giáo dục	2.088,5	840	60 tháng	59.759
V	**Xã Phú Ninh**					
1	Đất Trường MG Ánh Hồng Dương Đàn, xã Phú Ninh	Cơ sở giáo dục	1.600,24	60	60 tháng	4.853
VI	**Xã Việt An**					
1	Trường MG Hoa Phong Lan phân hiệu thôn Nhứt Đông, xã Việt An	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1.450	396	60 tháng	50.996
VII	**Xã Khâm Đức**					

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
1	UBND Thị Trấn Khâm Đức	Thương mại dịch vụ	1.178,70	527,0	60 tháng	165.097
2	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu (cơ sở Nước Lang)	Cơ sở giáo dục	1.405,60	140,0	60 tháng	2.538
3	UBND xã Phước Xuân	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	2.123,40	1.065,0	60 tháng	1.719
4	Trung tâm GDTX huyện P/Sơn cũ đường Đinh Núp	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	2.313,0	813,0	60 tháng	183.431
5	Nhà kho lưu trữ của Phòng Nội Vụ (cũ)(Đất tại số 06 Phan Thanh)	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	210,70	124,45	60 tháng	44.490
6	Nhà Chiếu bóng	Thương mại dịch vụ	268,40	90,0	60 tháng	79.297
7	Trung tâm dân số gia đình trẻ em (Đường Hồ Chí Minh)	Thương mại dịch vụ	455,70	152,0	60 tháng	32.830
8	Trường mẫu giáo Sơn Ca (La Mưng) Quyền sử dụng đất số DC085446 ngày 9/3/2022	Cơ sở giáo dục	479,40	64,0	60 tháng	6.488
9	Trường mẫu giáo Sơn Ca. Thôn 5 xã Khâm Đức	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	734,60	158,0	60 tháng	47.700
10	Trạm Kiểm lâm Phước Xuân - Xã Khâm Đức, TP Đà Nẵng	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	900,0	66,0	60 tháng	3.105
11	Trụ sở thư viện huyện (cũ)	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	901,60	242,0	60 tháng	13.406

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
12	TAND khu vực 9 - Đà Nẵng (Trụ sở TAND huyện Phước Sơn cũ)	Thương mại dịch vụ	1.913,0	857,0	60 tháng	74.059
VIII	**Xã Đông Giang**					
1	Trường THPT Quang Trung cũ	Cơ sở giáo dục	2.590,0	0,0	60 tháng	3.913
2	Nhà Công vụ (nhà làm việc Cu Ba cũ), tại Thôn Ngã 3, xã Đông Giang	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	1.012,730	600,0	60 tháng	10.237
3	UBND xã Đông Giang (Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện cũ), Thôn Ngã 3, xã Đông Giang	Thương mại dịch vụ	205,980	167,87	60 tháng	124.624
4	Trụ sở cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tà Lu cũ, Thôn Aréh Đhrồng, xã Đông Giang	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	4.191,40	398,1	60 tháng	37.834
IX	**Xã Phước Trà**					
1	Cơ sở 2: Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc tại thôn Trà Va (thôn 5 cũ)	Đất cơ sở giáo dục	471,0	135	60 tháng	75.856
2	Cơ sở 2: Trường Mẫu giáo Họa Mi: Điểm trường thôn Trà Nhan	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	1574,0	825,0	60 tháng	196.410

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
3	Cơ sở 4: Trường TH Lê Lợi, điểm trường thôn Trà Nô	Đất cơ sở giáo dục	730,0	100,0	60 tháng	11.620
X	**Xã Hòa Vang**					
1	Trường MN Hòa Phú - KV Thôn An Châu, xã Hòa Phú	Đất cơ sở giáo dục	361,80	157,40	60 tháng	22.579
2	Nhà văn hóa thôn Đồng Lăng (cũ) – thôn Đông Lâm , xã Hòa Vang	Thương mại dịch vụ	626,20	128,60	60 tháng	68.715
3	Thôn Túy Loan Đông, xã Hòa Vang (Cơ sở HCSN- quầy thuốc Đông y cũ)	Thương mại dịch vụ	64,00	64,00	60 tháng	239.466
4	Nhà văn hóa thôn Hòa Xuân (cũ) – thôn Hội Phước , xã Hòa Vang	Thương mại dịch vụ	151,30	80,3	60 tháng	97.289
XI	**Xã Quế Phước**					
1	Cơ sở 7: Trường MG Phượng Hồng - điểm trường thôn Xuân Hòa; địa chỉ: thôn Xuân Hòa, xã Quế Phước	Đất cơ sở giáo dục	314,0	58	60 tháng	17.971
2	Cơ sở 2: Trường MG Phượng Hồng - điểm trường thôn Tứ Nhũ, thôn Tứ Nhũ, xã Quế Phước	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	244	101	60 tháng	144.377
3	Cơ sở 2: Trường MG Hoa Mai -	Đất cơ sở giáo dục	476,5	70	60 tháng	12.625

STT	Danh mục nhà, đất	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²đất/năm)
	điểm trường thôn Phú Gia 1, thôn Phú Gia 1, xã Quế Phước					
XII	**Xã Nam Phước**					
1	Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên (cũ), địa chỉ: 414 Hùng Vương, xã Nam Phước)	Thương mại dịch vụ	1.413,00	300,00	60 tháng	165.497
XIII	**Xã Nam Trà My**					
1	Trạm Quản lý bảo vệ rừng số 10 tại thôn Tak Pỏ, xã Nam Trà My	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	3.110,80	324,73	60 tháng	20.822
XIV	**Phường An Khê**					
1	Số 319 Trường Chính	Đất công trình giao thông, công trình kho bãi	1.000,00	0,00	60 tháng	249.118
2	Số 409 Trường Chính	Thương mại dịch vụ	73,80	54,60	60 tháng	343.350
3	Số 411 Trường Chính	Thương mại dịch vụ	73,80	54,60	60 tháng	343.350